

Bài 44. ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP CHIM

I. Các nhóm chim

Lớp chim rất đa dạng: Số loài nhiều, chia làm 3 nhóm:

(+) Chim chạy.

(+) Chim bơi.

(+) Chim bay.

Nhóm chim	Đại diện	Môi trường sống	Đặc điểm cấu tạo			
			Cánh	Cơ ngực	Chân	Ngón
Chạy	Đà điểu	Thảo nguyên, sa mạc	Ngắn, yếu	Không phát triển	Cao, to, khoẻ	2 – 3 ngón
Bơi	Chim cánh cụt	Biển	Dài, khoẻ	Rất phát triển	Ngắn	4 ngón có màng bơi
Bay	Chim ưng	Núi đá	Dài, khoẻ	Phát triển	To, có vuốt cong	4 ngón

+ Lối sống và môi trường sống phong phú.

II. Đặc điểm chung của chim

- Mình có lông vũ bao phủ.
- Chi trước biến đổi thành cánh.
- Có mỏ sừng.
- Phổi có mạng ống khí, có túi khí tham gia hô hấp.
- Tim 4 ngăn, máu đỏ tươi nuôi cơ thể.
- Trứng có vỏ đá vôi, được ấp nhờ thân nhiệt của chim bố mẹ.
- Là động vật hằng nhiệt.

III. Vai trò của chim

- Lợi ích:

+ Ăn sâu bọ và động vật gặm nhấm.

- + Cung cấp thực phẩm.
- + Làm chăn, đệm, đồ trang trí, làm cảnh.
- + Huấn luyện để săn mồi, phục vụ du lịch.
- + Giúp phát tán cây rừng.
- Có hại:
- + Ăn hạt, quả, cá, ...
- + Là động vật trung gian truyền bệnh.

Bài 45. THỰC HÀNH: XEM BĂNG HÌNH VỀ ĐỜI SỐNG VÀ TẬP TÍNH CỦA CHIM

LỚP THỨ

Bài 46. THỎ

I. Đời sống

- Thỏ sống đào hang, lẩn trốn kẻ thù bằng cách nhảy cả 2 chân sau.
- Ăn cỏ, lá cây bằng cách gặm nhấm, kiếm ăn về chiều.
- Thỏ là động vật hằng nhiệt
- Thụ tinh trong.
- Thai phát triển trong tử cung của thỏ mẹ.
- Có nhau thai → gọi là hiện tượng thai sinh.
- Con non yếu được nuôi bằng sữa mẹ.

II. Cấu tạo ngoài và di chuyển

1. Cấu tạo ngoài

Hoàn thành bảng trong SGK tr.150.

Bảng: Đặc điểm cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù

Bộ phận cơ thể	Đặc điểm cấu tạo ngoài	Sự thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù
Bộ lông	Bộ lông mao dày xốp	Giữ nhiệt, bảo vệ thỏ khi ẩn trong bụi rậm
Chi (có vuốt)	Chi trước ngắn	Đào hang
	Chi sau dài, khoẻ	Bật nhảy xa để chạy trốn nhanh
Giác quan	Mũi tinh, lông xúc giác	Thăm dò thức ăn và môi trường
	Tai có vành tai lớn, cử động	Định hướng âm thanh phát hiện sớm kẻ thù
	Mắt có mí, cử động được	Giữ mắt không bị khô, bảo vệ khi thỏ trốn trong bụi gai rậm

2. Di chuyển

Thỏ di chuyển bằng cách nhảy đồng thời cả 2 chân sau.

Bài 47. CẤU TẠO TRONG CỦA THỎ

I. Bộ xương và hệ cơ

1. Bộ xương

Bộ xương gồm nhiều xương khớp với nhau để nâng đỡ, bảo vệ và giúp cơ thể vận động.

2. Hệ cơ

- Cơ vận động cột sống phát triển.
- Cơ hoành tham gia vào hoạt động hô hấp

II. Các cơ quan dinh dưỡng

Hệ cơ quan	Vị trí	Thành phần	Chức năng
Tuần hoàn	Lồng ngực	Tim (4 ngăn) và các mạch máu	Vận chuyển máu theo 2 vòng tuần hoàn, máu đỏ tươi nuôi cơ thể
Hô hấp	Tim trong khoang	Khí quản, phế quản và	Dẫn khí và trao đổi khí

	ngực, các mạch máu phân bố khắp cơ thể	phổi.	
Tiêu hoá	Khoang bụng	Miệng, thực quản, dạ dày, ruột, manh tràng, gan, tụy	Tiêu hoá thức ăn (đặc biệt là xenlulô)
Bài tiết	Trong khoang bụng sát sống lưng	Hai thận, ống dẫn tiểu, bóng đái, đường tiểu.	Lọc từ máu chất thừa và thải nước tiểu ra ngoài cơ thể.

III. Thần kinh và giác quan

Bộ não phát triển hơn hẳn các lớp động vật khác:

- Đại não phát triển che lấp các phần khác.
- Tiểu não lớn có nhiều nếp gấp liên quan đến cử động phức tạp.

Bài 48. ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ

BỘ THÚ HUYỆT, BỘ THÚ TÚI

I. Sự đa dạng của lớp thú

- Lớp thú có số lượng loài rất lớn, sống ở khắp nơi.
- Phân chia lớp thú dựa trên đặc điểm sinh sản, bộ răng, chi, ...

II. Bộ thú huyết và bộ thú túi

1. Bộ thú huyết

- Thú mỏ vịt:
- + Có lông mao dày, chân có màng.
- + Đẻ trứng, chưa có núm vú, nuôi con bằng sữa.

2. Bộ thú túi

- Kanguru:
- + Chi sau dài khỏe, đuôi dài.
- + Đẻ con rất nhỏ, thú mẹ có núm vú.

Sinh sản vô tính không có sự kết hợp tế bào sinh dục đực và cái.

- Hình thức sinh sản:

+ Phân đôi cơ thể

+ Sinh sản sinh dưỡng: Mọc chồi và tái sinh.

I. Sinh sản hữu tính

+ Sinh sản hữu tính là hình thức sinh sản có sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái tạo thành hợp tử.

+ Sinh sản hữu tính trên cá thể đơn tính hay lưỡng tính.

III. Sự tiến hóa các hình thức sinh sản hữu tính

+ Từ thụ tinh ngoài → thụ tinh trong.

+ Đẻ nhiều trứng → đẻ ít trứng → đẻ con.

+ Phôi phát triển có biến thái → phát triển trực tiếp không có nhau thai → phát triển trực tiếp có nhau thai

+ Con non không được nuôi dưỡng → được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ → được học tập thích nghi với cuộc sống.